Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7408.22.00

Mã HS	7408.22.00
Mô tả hàng hóa	Dây đồng / - Bằng hợp kim đồng: / - - Bằng hợp kim đồng - niken (đồng kền) hoặc hợp kim đồng - niken - kẽm (bạc-niken)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:01:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/74082200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12044
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12044
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12044
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12044
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11385
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11328
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11328
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11328
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11328
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11328
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11328
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11380
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11380

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11380
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11380
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11380
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11380
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11381
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11381
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11381
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11381
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11381
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11381
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11384
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11334
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11340
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11340
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11340
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11340
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11340
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11340
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11373
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11373
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11373
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11373
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11373
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11373
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11418
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11418
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11418
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11418
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11418
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11403
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11403
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11403
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11403
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11403
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11403
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11403
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11403
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11403
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11403
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11403
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11403
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11420
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11420
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11420
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11420
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11420
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11420
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11419
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11419
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11419
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11419

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11419
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11419
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11366
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11366
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11366
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11366
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11366
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11366
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11366
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11403
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11403
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11403
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11403
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11403
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11403
RCEP B	2022	2022	0	B!D11403
RCEP B	2023	2023	0	B!E11403
RCEP B	2024	2024	0	B!F11403
RCEP B	2025	2025	0	B!G11403
RCEP B	2026	2026	0	B!H11403
RCEP B	2027	2027	0	B!I11403
RCEP C	2022	2022	0	C!D11403
RCEP C	2023	2023	0	C!E11403
RCEP C	2024	2024	0	C!F11403
RCEP C	2025	2025	0	C!G11403
RCEP C	2026	2026	0	C!H11403

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11403
RCEP D	2022	2022	0	D!D11402
RCEP D	2023	2023	0	D!E11402
RCEP D	2024	2024	0	D!F11402
RCEP D	2025	2025	0	D!G11402
RCEP D	2026	2026	0	D!H11402
RCEP D	2027	2027	0	D!I11402
RCEP E	2022	2022	0	E!D11406
RCEP E	2023	2023	0	E!E11406
RCEP E	2024	2024	0	E!F11406
RCEP E	2025	2025	0	E!G11406
RCEP E	2026	2026	0	E!H11406
RCEP E	2027	2027	0	E!I11406
RCEP F	2022	2022	0	F!D11403
RCEP F	2023	2023	0	F!E11403
RCEP F	2024	2024	0	F!F11403
RCEP F	2025	2025	0	F!G11403
RCEP F	2026	2026	0	F!H11403
RCEP F	2027	2027	0	F!I11403
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10560
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10560
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10560
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10560

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đồng > Bán thành phẩm bằng chì, kẽm, thiếc hoặc hợp kim của chúng. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7408.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7408.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12044), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.